

Số: /NQ-HĐND

Điện Biên, ngày tháng năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Điều chỉnh và thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2025 tỉnh Điện Biên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI MỐT**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Tiếp theo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt, thông qua kế hoạch đầu tư công, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và hằng năm tỉnh Điện Biên;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên tại Tờ trình số /TTrUBND, ngày tháng năm 2025, Báo cáo thẩm tra số /BC-KTNS, ngày tháng ... năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh và thông qua điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và năm 2025, tỉnh Điện Biên, gồm những nội dung như sau:

I. Điều chỉnh tổng nguồn kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025

1. Tổng nguồn vốn đã giao là: 18.466.020 triệu đồng, bao gồm:

(1) *Vốn ngân sách địa phương:* 5.282.992 triệu đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối ngân sách địa phương 3.468.651 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 1.435.141 triệu đồng.
- Vốn xổ số kiến thiết 165.000 triệu đồng.
- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 214.200 triệu đồng.

(2) *Vốn ngân sách trung ương:* 8.361.631 triệu đồng, trong đó:

- Vốn trong nước 7.035.720 triệu đồng (bao gồm cả Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội 246 tỷ đồng).

- Vốn nước ngoài (ODA) 1.325.911 triệu đồng.

(3) *Vốn Chương trình MTQG*: 4.821.397 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.550.925 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 1.606.004 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 664.468 triệu đồng.

2. Kế hoạch vốn điều chỉnh tăng là: 160 triệu đồng thuộc nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (vốn trung nước).

3. Tổng nguồn vốn sau điều chỉnh là: 18.466.180 triệu đồng, bao gồm:

(1) *Vốn ngân sách địa phương*: 5.282.992 triệu đồng, trong đó:

- Vốn xây dựng cơ bản trong cân đối ngân sách địa phương 3.468.651 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất 1.435.141 triệu đồng.

- Vốn xổ số kiến thiết 165.000 triệu đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn bội chi ngân sách địa phương 214.200 triệu đồng.

(2) *Vốn ngân sách trung ương*: 8.361.631 triệu đồng, trong đó:

- Vốn trong nước 7.035.720 triệu đồng (bao gồm cả Chương trình phục hồi phát triển kinh tế - xã hội 246 tỷ đồng).

- Vốn nước ngoài (ODA) 1.325.911 triệu đồng.

(3) *Vốn Chương trình MTQG*: 4.821.557 triệu đồng, trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.550.925 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững 1.606.004 triệu đồng.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 664.628 triệu đồng.

(Chi tiết như Biểu số 1 kèm theo)

II. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025

- Bổ sung Dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm phục vụ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên vào kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương.

- Điều chỉnh giảm 20.000 triệu đồng của 02 dự án thuộc cấp tỉnh quản lý tăng tương ứng cho 02 dự án thuộc cấp tỉnh quản lý.

(Chi tiết như Biểu số 2 kèm theo)

III. Thông qua điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Điều chỉnh tăng 160 triệu đồng trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách trung ương trong nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới cho 01 dự án.

(Chi tiết như Biểu 3 kèm theo)

IV. Thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều chỉnh giảm 7.156 triệu đồng của tổng số 04 dự án (trong đó 3 dự án thuộc Dự án 4 và 1 dự án thuộc Dự án 6) thuộc kế hoạch trung hạn tăng tương ứng cho 03 dự án (thuộc Dự án 6) và bổ sung mới 02 dự án thuộc Dự án 4 trong kế hoạch trung hạn.

Điều chỉnh tăng 2.419 triệu đồng cho 01 dự án thuộc kế hoạch trung hạn nằm trong phạm vi hạn mức vốn đã được giao.

(Chi tiết như Biểu 4 kèm theo)

V. Điều chỉnh và thông qua điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025

1. Điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2025

Điều chỉnh giảm 20.000 triệu đồng kế hoạch vốn NSDP năm 2025 của 02 dự án để điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch vốn NSDP năm 2025 cho 02 dự án.

(Chi tiết như Biểu số 5 kèm theo)

2. Thông qua điều chỉnh bổ sung kế hoạch vốn thực hiện 02 Chương trình mục tiêu quốc gia: Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Xây dựng nông thôn mới năm 2025.

a) Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số: Bổ sung 159.050 triệu đồng kế hoạch vốn năm 2025. Trong đó: Phân bổ chi tiết 91.875 triệu đồng cho 29 dự án đã đảm bảo thủ tục đầu tư, thuộc các dự án thành phần: Dự án 1 (10 dự án); Dự án 4 (12 dự án); Dự án 5 (02 dự án); Dự án 6 (04 dự án); Dự án 10 (01 dự án) và bố trí chuẩn bị đầu tư cho 01 dự án (Dự án 4). Số vốn còn lại chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết là 67.175 triệu đồng.

b) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Phân bổ bổ sung 160 triệu đồng cho 01 dự án đang thực hiện.

(Chi tiết như Biểu số 06,07 kèm theo)

Điều 2: Tổ chức thực hiện:

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh thực phân bổ số vốn còn lại chưa đủ điều kiện phân bổ chi tiết đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV, kỳ họp thứ Hai mươi một thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2025.

Nơi nhận:

- UBTV Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu QH tỉnh, ĐB HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- LĐ, CV Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Lưu: VT

CHỦ TỊCH

Lò Văn Phương

Biểu số 1

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn đầu tư	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã giao	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021- 2025		Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ	18.466.020	160	0	18.466.180	
I	Vốn ngân sách địa phương	5.282.992	0	0	5.282.992	
1	Vốn xây dựng cơ bản trong CĐNSDP (theo tiêu chí QĐ 26/2020/QĐ-TTg)	3.468.651			3.468.651	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.435.141			1.435.141	
3	Vốn xỏ sổ kiến thiết	165.000			165.000	
4	Vốn đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	214.200			214.200	
II	Vốn Ngân sách trung ương	8.361.631	0	0	8.361.631	
1	Vốn trong nước (bao gồm cả CT phục hồi PTKTXH)	7.035.720			7.035.720	
2	Vốn nước ngoài	1.325.911			1.325.911	
III	Vốn Chương trình MTQG	4.821.397	160	0	4.821.557	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	2.550.925			2.550.925	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.606.004			1.606.004	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (bao gồm cả vốn trong nước và nước ngoài)	664.468	160	0	664.628	
	- Vốn trong nước	504.600	160		504.760	
	- Vốn nước ngoài	159.868			159.868	

Biểu số 2

ĐIỀU CHỈNH CHI TIẾT DANH MỤC, MỨC VỐN CÁC DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được giao	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 2021-2025		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng	Giảm		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ		2.992.714	554.573	234.900	62.000	224.230	20.000	20.000	224.230	
B	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BAO GỒM TIỀN ĐẤT THEO NQ 34)		2.992.714	554.573	234.900	62.000	224.230	20.000	20.000	224.230	
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		2.992.714	554.573	234.900	62.000	224.230	20.000	20.000	224.230	
III.3	Dự án phân theo ngành/lĩnh vực		2.992.714	554.573	234.900	62.000	224.230	20.000	20.000	224.230	
(9)	Ngành/lĩnh vực: Bảo vệ môi trường		1.389.698	104.457				5.000		5.000	
1)	Dự án chuẩn bị đầu tư cho giai đoạn 2026-2030		1.389.698	104.457				5.000		5.000	
	Dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm phục vụ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên	215/NQ-HĐND ngày 10/12/2024	1.389.698	104.457				5.000		5.000	
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		1.603.016	450.116	234.900	62.000	224.230	15.000	20.000	219.230	
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		273.016	100.116	234.900	62.000	26.000		5.000	21.000	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		273.016	100.116	234.900	62.000	26.000		5.000	21.000	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		273.016	100.116	234.900	62.000	26.000		5.000	21.000	
4	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	234.900	62.000	26.000		5.000	21.000	
10.3	Giao thông		1.300.000	320.000			198.230		15.000	183.230	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		1.300.000	320.000			198.230		15.000	183.230	
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025		1.300.000	320.000			198.230		15.000	183.230	

27

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được giao	Điều chỉnh kế hoạch trung hạn 2021-2025		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP		Tăng	Giảm		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSDP							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021; 1816/QĐ-UBND 06/10/2021; 1728/QĐ-UBND 23/9/2024	1.300.000	320.000			198.230		15.000	183.230	
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới		30.000	30.000				15.000		15.000	
2)	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025		30.000	30.000				15.000		15.000	
b)	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025		30.000	30.000				15.000		15.000	
1	Mở rộng nghĩa trang nhân dân C1, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	1941/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	30.000	30.000				15.000		15.000	

BIỂU SỐ 03
ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐIỆN BIÊN, GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2020		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao				Đề xuất điều chỉnh kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 (NSTW)		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh (NSTW)	Ghi chú
		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW			Tăng (+)	Giảm (-)		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW				Tổng số	Trong đó					
									Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	24
A	CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		14.900	-	-	-	3.500	3.000	-	-	160	-	3.160	
I	Vốn trong nước		14.900	-	-	-	3.500	3.000	-	-	160	-	3.160	
1	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Chân, huyện Điện Biên	QĐ số 26/QĐ-UBND, ngày 07/01/2025	14.900		-	-	3.500	3.000			160		3.160	Lồng ghép NSDP, Đã giao 500tr vốn NSDP

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Trong đó: Vốn NSTW			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó					Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ		187.008	170.556	11.737	-	-	9.575	7.156	14.156	-	-	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		187.008	170.556	11.737	-	-	9.575	7.156	14.156	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		7.000	7.000	4.581	-	-	2.419	-	7.000			
I	Nước sinh hoạt bản Hìn 1, Hìn 2 + NSH cụm Pu Ca bản Huổi Xuân, xã Na Sang	Quyết định số 8295/QĐUBND ngày 28/11/2024	7.000	7.000	4.581			2.419	-	7.000			Thuộc huyện Mường Chà quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
II	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		172.703	156.254	3.554	-	-	3.554	3.554	3.554	-	-	
II.1	Đầu tư CSHT		172.703	156.254	3.554	-	-	3.554	3.554	3.554	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025 đã giao			Điều chỉnh		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025 sau điều chỉnh			Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: Vốn NSTW			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó					Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB						
1	Nhà văn hóa + các công trình phụ trợ bản Na Há, xã Phu Luông	Số 242/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.550	1.550	1.404			-	1.404			Thuộc huyện Điện Biên quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp	
2	Nhà văn hóa+ các công trình phụ trợ bản Pá Chá, xã Phu Luông	Số 243/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.500	1.500	1.500			-	1.500				
3	Nhà văn hóa + các công trình phụ trợ bản Pa Xa Xá xã Pa Thơm		653	650	650			-	650				
*	Bổ sung danh mục mới							-	-				
1	Thủy lợi bản Na Sang 1, xã Núa Ngam.		19.000	2.554				2.554	-	2.554			
2	Đường kết nối QL279 – Trung tâm xã Chiềng sinh		150.000	150.000				1.000	-	1.000		Bố trí chuẩn bị đầu tư dự án	
III	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		7.305	7.302	3.602	-	-	3.602	3.602	3.602	-	Thuộc huyện Điện Biên quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp	
1	Danh lam thắng cảnh Hang động Chùa Ta xã Hẹ Muông, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên		3.602	3.602	3.602			-	3.602			Dự án khó triển khai	
2	Nhà văn hóa + các công trình phụ trợ bản Na Há, xã Phu Luông	Số 242/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.550	1.550				1.452	-	1.452			
3	Nhà văn hóa+ các công trình phụ trợ bản Pá Chá, xã Phu Luông	Số 243/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.500	1.500				1.500	-	1.500			
4	Nhà văn hóa + các công trình phụ trợ bản Pa Xa Xá xã Pa Thơm		653	650				650	-	650			

Biểu số 5

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch 2025				Giải ngân đến hết 31/5/2025	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú	
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024	Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)						Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
	TỔNG SỐ		2.992.714	554.573	214.230	45.705	178.525				10.966	20.000	20.000	178.525					
B	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		2.992.714	554.573	214.230	45.705	178.525				10.966	20.000	20.000	178.525					
III	NSDP cấp tỉnh quản lý		2.992.714	554.573	214.230	45.705	178.525				10.966	20.000	20.000	178.525					
III.2	Đối ứng các dự án ODA		1.389.698	104.457	5.000							5.000		5.000					
(2)	Các dự án chuẩn bị đầu tư năm 2025		1.389.698	104.457	5.000							5.000		5.000					
1	Dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước nhằm phục vụ dân sinh, thích ứng biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên		1.389.698	104.457	5.000							5.000		5.000					
III.3	Các dự án trọng điểm của tỉnh		1.300.000	320.000	183.230	35.755	162.475				10.966		15.000	147.475					
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		1.300.000	320.000	183.230	35.755	162.475				10.966		15.000	147.475					
1	Đường giao thông kết nối các khu vực kinh tế trọng điểm thuộc vùng kinh tế động lực dọc trục QL 279 và QL 12, tỉnh Điện Biên	984/QĐ-UBND 31/5/2021	1.300.000	320.000	183.230	35.755	162.475				10.966		15.000	147.475					
III.4	Dự án phân theo ngành/lĩnh vực		303.016	130.116	26.000	9.950	16.050					15.000	5.000	26.050					
(10)	Ngành/lĩnh vực: Các hoạt động kinh tế		303.016	130.116	26.000	9.950	16.050					15.000	5.000	26.050					
10.1	Nông, lâm, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		273.016	100.116	26.000	9.950	16.050						5.000	11.050					
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2025		273.016	100.116	26.000	9.950	16.050						5.000	11.050					
4	Công trình thủy lợi Nậm Khẩu Hu, xã Thanh Nưa, huyện Điện Biên (hợp phần thủy lợi)	1327/QĐ-UBND 29/12/2017	273.016	100.116	26.000	9.950	16.050						5.000	11.050					
10.12	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật		30.000	30.000								15.000		15.000					
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2025		30.000	30.000								15.000		15.000					

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			KH đầu tư trung hạn vốn NSDP giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch 2025			Giải ngân đến hết 31/5/2025	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch 2025 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó: đã giao kế hoạch các năm 2021, 2022, 2023, 2024	Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:		
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSDP				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB					Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	
2	Mở rộng nghĩa trang nhân dân C1, xã Thanh Luông, huyện Điện Biên	1126/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	30.000	30.000							15.000		15.000			

Biểu số 06

PHÂN BỐ CHI TIẾT, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI (ĐỢT 2)

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HĐND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (Đợt 2)				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ		391.591	374.828	213.004	-	-	-	57.109	-	-	-	159.050	-	-	-	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI		391.591	374.828	213.004	-	-	-	57.109	-	-	-	159.050	-	-	-	
A.1	SỐ VỐN ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT		306.964	306.701	148.479	-	-	-	56.581	-	-	-	91.875	-	-	-	
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		37.403	37.156	35.303	-	-	-	7.081	-	-	-	28.199	-	-	-	
a)	Nước sinh hoạt tập trung		29.380	29.133	27.280	-	-	-	7.081	-	-	-	20.199	-	-	-	
1	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bản Pá Mý 1	306 ngày 02/02/2024	1.500	1.500	1.500				-				1.500				Thuộc Huyện Mường Nhé quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
2	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bản Huổi Pét (nhóm 2)	307 ngày 02/02/2024	1.500	1.500	1.500				-				1.500				
3	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bản Xi Ma	305 ngày 02/02/2024	1.000	753	753				-				753				
4	Nâng cấp sửa chữa công trình NSH bản Quảng Lâm	341 ngày 02/3/2024	1.500	1.500	1.500				-				1.500				
5	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Lý Mã Tả, xã Sin Thầu	184 ngày 25/02/2024	4.000	4.000	4.000				-				4.000				
6	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Leng Su Sin, xã Leng Su Sin	185 ngày 25/02/2024	2.500	2.500	2.500				-				2.500				
7	Nâng cấp nước sinh hoạt bản Mường Nhé mới, xã Mường Nhé	186 ngày 25/02/2024	1.880	1.880	1.880				-				1.880				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (Đợt 2)				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
8	NSH bán Lũng Thàng 1+2, xã Huổi Mí	Quyết định số 8285/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	8.500	8.500	6.647				2.500				4.147				Thuộc Huyện Mường Chà quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
9	Nước sinh hoạt bản Hìn 1, Hìn 2 + NSH cụm Pu Ca bản Huổi Xuân, xã Na Sang	Quyết định số 8295/QĐUBND ngày 28/11/2024	7.000	7.000	7.000				4.581				2.419				
b)	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		8.023	8.023	8.023	-	-	-	-	-	-	-	8.000	-	-	-	
1	Hỗ trợ nhà ở	826/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	8.023	8.023	8.023				-				8.000				Thuộc Huyện Mường Chà quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
II	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		192.840	192.824	36.554	-	-	-	-	-	-	-	36.554	-	-	-	
II.1	Đầu tư CSHT		192.840	192.824	36.554	-	-	-	-	-	-	-	36.554	-	-	-	
1	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Mường Nhé 2, bản Mường Nhé Mới, bản Nà Pán, xã Mường Nhé	308 ngày 02/02/2024	2.400	2.400	2.400				-				2.400				Thuộc Huyện Mường Nhé quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
2	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: bản Nậm Là 2, bản Tân Phong, xã Mường Nhé	309 ngày 02/02/2024	1.600	1.600	1.600				-				1.600				
3	Đường nội bản Á Di, xã Leng Su Sìn	304 ngày 02/02/2024	816	800	800				-				800				
4	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Yên, bản Nậm Xá, bản Đoàn Kết, xã Mường Toong	340 ngày 02/02/2024	2.400	2.400	2.400				-				2.400				
5	Nhà văn hóa, sân thể thao bản: bản Húi To, xã Chung Chải	191 ngày 25/02/2025	800	800	800				-				800				

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (Đợt 2)				Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Lấy kế vốn đã bố trí đến năm 2025				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư
6	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản Mường Toong 1, bản Mường Toong 2, xã Mường Toong	71 ngày 22/01/2025	1.600	1.600	1.600				-				1.600				Thuộc quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
7	Nhà văn hóa, sân thể thao các bản: Bản bản Huổi Thanh1, bản Huổi Thanh 2, xã Nậm Ké	190 ngày 25/02/2024	1.600	1.600	1.600				-				1.600				
8	Nhà văn hóa, sân thể thao bản bản Pa Tét xã Huổi Léch	188 ngày 25/02/2024	1.300	1.300	1.300				-				1.300				
9	Nhà văn hoá bản Mường Nhé 1, xã Mường Nhé	192 ngày 25/02/2025	1.100	1.100	1.100				-				1.100				
10	Nâng cấp đường vào bản Nậm Hạ, xã Mường Toong	187 ngày 25/02/2024	13.100	13.100	5.830				-				5.830				
11	Cầu vào bản Tàng Phon, xã Pả Mý	189 ngày 25/02/2024	11.800	11.800	11.800				-				11.800				
12	Nhà văn hóa + các công trình phụ trợ các bản Nậm Hẹ 2, bản Nậm Hẹ 1, bản Sái Lương, bản Pả Hẹ, bản Ta Lét 1 xã Hẹ Muông	Số 241/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	4.324	4.324	4.324				-				4.324				Thuộc Huyện Điện Biên quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
*	Bổ trí chuẩn bị đầu tư																
I	Đường kết nối QL279 – Trung tâm xã Chiềng sinh		150.000	150.000	1.000								1.000				
III	DỰ ÁN 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực		464	464	464	-	-	-	-	-	-	-	464	-	-	-	
1	Nhà vệ sinh trường PTDTBT Tiểu học Ma Thi Hồ	763;16/3/2025	220	220	220				-				220				Thuộc Huyện Mường Chà quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
2	Nhà vệ sinh trường PTDTBT THCS Ma Thi Hồ	763;16/3/2025	244	244	244				-				244				
IV	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		17.710	17.710	17.612	-	-	-	-	-	-	-	17.612	-	-	-	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (Đợt 2)				Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư					
1	Hỗ trợ, xây dựng cơ sở vật chất tại bán du lịch cộng đồng Tia Ló A, Tia Ló B xã Nong U	Số 8309/QĐ-UBND ngày 12/11/2024	7.160	7.160	7.160				-				7.160				Thuộc Huyện Điện Biên Đông quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
2	Đầu tư xây dựng cổng chào khu di tích lịch sử và du lịch văn hoá, sinh thái Mường Phăng	1043/QĐ-UBND ngày 22/5/2025	7.500	7.500	7.500				-				7.500				SỐ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
3	Nhà văn hóa + các công trình phụ trợ bán Na Há, xã Phu Luông	Số 242/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.550	1.550	1.452				-				1.452				Thuộc Huyện Điện Biên quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
4	Nhà văn hóa+ các công trình phụ trợ bán Pá Chá, xã Phu Luông	Số 243/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	1.500	1.500	1.500				-				1.500				
V	DỰ ÁN 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình		58.547	58.547	58.547	-	-	-	49.500	-	-	-	9.047				Sở Khoa học và Công nghệ
1	Hệ thống ứng dụng Công nghệ thông tin cấp xã	Quyết định số 1972/QĐ-UBND ngày 3/12/2023	58.547	58.547	58.547				49.500				9.047				
A.2	SỐ VỐN CHƯA ĐỦ ĐIỀU KIỆN PHÂN BỐ CHI TIẾT		84.626	68.127	64.525	-	-	-	528	-	-	-	67.175	-	-	-	-
A.2.1	Các dự án đã có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025		84.626	68.127	64.525	-	-	-	528	-	-	-	63.997	-	-	-	-
I	DỰ ÁN 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt		50.647	50.647	50.647	-	-	-	528	-	-	-	50.119	-	-	-	-
I.1	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		4.397	4.397	4.397	-	-	-	-	-	-	-	4.397	-	-	-	Thuộc Thành phố Điện Biên Phủ quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
1	Dự án Hỗ trợ đất ở		500	500	500				-				500				
2	Dự án Hỗ trợ nhà ở		3.397	3.397	3.397				-				3.397				
3	Dự án Hỗ trợ đất sản xuất		500	500	500				-				500				
I.2	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		2.767	2.767	2.767	-	-	-	528	-	-	-	2.239	-	-	-	-
	Dự án Hỗ trợ nhà ở	Số 1592, ngày 10/7/2024	2.767	2.767	2.767				528				2.239				Thuộc Huyện Điện Biên quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (Đợt 2)				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
L3	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		7.177	7.177	7.177	-	-	-	-	-	-	-	7.177	-	-	-	
	Dự án Hỗ trợ nhà ở		7.177	7.177	7.177				-				7.177				Thuộc Huyện Tuần Giáo quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
L4	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		4.253	4.253	4.253	-	-	-	-	-	-	-	4.253	-	-	-	
1	Dự án Hỗ trợ đất ở		580	580	580				-				580				Thuộc Huyện Điện Biên Đông quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
2	Dự án Hỗ trợ nhà ở		3.673	3.673	3.673				-				3.673				
L5	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		10.389	10.389	10.389	-	-	-	-	-	-	-	10.389	-	-	-	
	Dự án Hỗ trợ nhà ở		10.389	10.389	10.389				-				10.389				Thuộc Huyện Mường Ảng quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
L6	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		4.490	4.490	4.490	-	-	-	-	-	-	-	4.490	-	-	-	
1	Hỗ trợ nhà ở		4.490	4.490	4.490				-				4.490				Thuộc Huyện Mường Nhé quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
L7	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		9.589	9.589	9.589	-	-	-	-	-	-	-	9.589	-	-	-	
1	Hỗ trợ nhà ở		9.589	9.589	9.589				-				9.589				Thuộc Huyện Tủa Chùa quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (Đợt 2)				Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Giai đoạn 2021-2025				Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025				Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó:							
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư
I.8	Hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất		7.585	7.585	7.585	-	-	-	-	-	-	-	7.585	-	-	-	Thuộc Huyện Năm Pô quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
1	Dự án Hỗ trợ đất ở		2.528	2.528	2.528				-				2.528				
2	Dự án Hỗ trợ nhà ở		2.528	2.528	2.528				-				2.528				
3	Dự án Hỗ trợ đất sản xuất		2.528	2.528	2.528				-				2.528				
II	DỰ ÁN 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc		21.440	4.954	4.954	-	-	-	-	-	-	-	4.954	-	-	-	
II.1	Đầu tư CSHT		21.440	4.954	4.954	-	-	-	-	-	-	-	4.954	-	-	-	
2	Đường bê tông nội bản Hua Thanh, bản Na Láy xã Na Ủ		2.040	2.040	2.040				-				2.040				Thuộc Huyện Điện Biên quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
3	Đường giao thông nội bản đoạn từ nhà ông Chiến đến nhà bản Lún, đoạn từ nhà ông Hinh đến bờ kè Yên Cang bản Na Lao xã Sam Mứn		400	360	360				-				360				
4	Thủy lợi bản Na Sang 1, xã Núa Ngam.		19.000	2.554	2.554								2.554				
III	DỰ ÁN 6: Bảo tồn phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch		12.539	12.526	8.924	-	-	-	-	-	-	-	8.924	-	-	-	
1	Hỗ trợ đầu tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn thành phố Điện Biên Phủ.		5.190	5.190	5.190				-				5.190				Thuộc Thành phố Điện Biên Phủ quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Kế hoạch trung hạn vốn NSTW 2021-2025								Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 (Đợt 2)				Ghi chú	
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giai đoạn 2021-2025			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm 2025				Tổng số	Trong đó:				
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó:								
						Thu hồi các khoản ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		Chuẩn bị đầu tư				
2	Danh lam thắng cảnh Hang động Chua Ta xã Hẹ Muống, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên		3.602	3.602					-								Thuộc Huyện Điện Biên quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
3	Nhà văn hóa + các công trình phụ trợ bản Pa Xá xã Pa Thơm		663	650	650				-				650				
4	Hỗ trợ đẩy tư xây dựng điểm đến du lịch tiêu biểu vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn huyện Mường Nhé		3.084	3.084	3.084				-				3.084				Thuộc Huyện Mường Nhé quản lý trước sắp xếp chính quyền địa phương 02 cấp
II.2.2	Số vốn hết nhu cầu bố trí, dự kiến phân bổ sau khi cấp có thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư												3.178				

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: /NQ-HDND ngày / /2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch vốn năm 2025 đã giao				Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025		Kế hoạch vốn NSTW năm 2025 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Số QĐ; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó:			Tăng	Giảm	Tổng số	Trong đó:			
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn NSTW												
							Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư				Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ		14.900	-	3.160	3.000	-	-	-	-	-	3.160	-	-	-	
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI		14.900	-	3.160	3.000	-	-	-			3.160	-	-	-	
1	Cải tạo, nâng cấp trường THCS xã Thanh Chân, huyện Điện Biên	QĐ số 26/QĐ-UBND, ngày 07/01/2025	14.900		3.160	3.000				160		3.160				